TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH K** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 79/2017/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH K

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hùng Cường
bà Thái Thị Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - K.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DK - K tham gia phiên tòa***: (không có).

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: chị Phạm Thục T - sinh năm 1996
Trú tại: TDP Phan Bội Châu 2 - thị trấn DK - DK - KH;
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*: anh Phan Trần QH - sinh năm 1993
Trú tại: TDP Phú Lộc Tây 4 - thị trấn DK - DK.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2017 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thục T trình bày: chị và anh Phan Trần QH tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn DK năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh QH không lo làm ăn, thường xuyên đánh đập chị và đập phá đồ đạc gia đình nhà chị. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh QH nên chị xin được ly hôn với anh QH. Con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Phan Trần QH trình bày: về thời gian kết hôn như chị T trình bày, anh không có ý kiến gì. Quá trình sống

chung, vợ chồng thỉnh thoảng có gây lộn cãi vã nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương đối với chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh QH; con chung, tài sản chung và nợ chung: không có. Bị đơn anh QH vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh QH đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh QH vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với anh QH.

Quan hệ hôn nhân: chị T, anh QH tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và được Ủy ban nhân dân thị trấn DK cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 27/02/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh QH không lo làm ăn, suốt ngày chỉ ham chơi với bạn bè xấu, chị có nói nhiều lần nhưng anh QH không nghe, anh QH còn có thái độ xem thường và không tôn trọng vợ cũng như gia đình nhà vợ, đánh chị và đập phá đồ đạc của gia đình chị nên anh chị không còn sống chung với nhau nữa. Anh QH cho rằng vợ chồng có xảy ra kình cãi, anh đi chơi với bạn bè cùng xóm nhưng chị T thường xuyên ngăn cản và dùng những lời lẽ xúc phạm anh nên gây cho anh nhiều bức xúc có đập phá đồ đạc nhà vợ và hiện nay vợ chồng anh chị không sống chung với nhau. Đến nay, anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T, anh QH đã không còn có sự tôn trọng nhau trong cuộc sống vợ chồng. Anh QH cho rằng anh vẫn còn yêu thương chị T nhưng mấy tháng nay mặc dù không còn sống chung nhưng anh QH chưa một lần đến gặp chị T để nói chuyện nhằm xây dựng lại cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Mặc khác, từ thời gian đó cho đến nay, chị T cũng chưa bao giờ chủ động gặp anh QH để nói chuyện. Anh QH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần đến tham gia phiên tòa nhưng anh QH đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí: chị T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thục T được ly hôn với anh Phan Trần QH.

Con chung, tài sản chung: không có.

2. Về án phí: chị Phạm Thục T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018360 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - K. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn DK (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu.

Võ Thị Mai Phương